**Phụ lục II**

**MẪU VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT**

**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc**

|  |  |
| --- | --- |
| **[ĐƠN VỊ TRÌNH1]**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: \_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_ |

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc :**

[dự án, dự toán mua sắm]

Kính gửi:\_\_\_\_\_\_\_\_\_[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu2]

[Đơn vị trình] trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm**

**Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án, dự toán mua sắm như sau:**

a) Dự án, dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự án, dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;

b) Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách;

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm;

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí nêu tại điểm a khoản này trừ kinh phí nêu tại điểm b và điểm c khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm như trên. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

**II. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;]

Căn cứ\_\_\_\_[Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15:

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BYT ngày tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá ;

Căn cứ Thông tư số ..../2024/TT-BYT ngày tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

…]

**III. Phần công việc đã thực hiện(1)**

Bảng số 1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc hoặc tên gói thầu(2)** | **Đơn vị thực** **hiện(3)** | **Giá trị(4)** | **Văn bản phê** **duyệt(5)** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| **Tổng giá trị** [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5] |  |  |

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng,... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

**IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu(1)**

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc(2)** | **Đơn vị thực hiện(3)** | **Giá trị(4)** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Tổng giá trị** [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5] |  |

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu. Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phân công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

**V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu(1):**

Bảng số 3

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gói thầu****(2)** | **Giá gói thầu** | **Nguồn vốn (3)** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu(4)** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu (5)** | **Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (6)** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu (7)** | **Loại hợp đồng(8)** | **Thời gian thực hiện hợp đồng(9)** | **Tùy chọn mua thêm(10)** | **Giám sát hoạt động đấu thầu (11)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá gói thầu**[kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5] |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.

(2) Tên gói thầu, giá gói thầu (bao gồm các gói thầu sau):

+ Gói số …….: Gói thầu thuốc generic [ghi tổng số danh mục thuốc generic, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu, trong đó có ... danh mục thuốc có dạng bào chế đặc biệt, tổng giá trị... đã được Hội đồng Thuốc và Điều trị đơn vị đề xuất để đáp ứng nhu cầu điều trị đặc thù của đơn vị].

+ Gói số…….: Gói thầu thuốc Biệt dược gốc [ghi tổng số danh mục thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

+ Gói số……: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền [ghi tổng số danh mục thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, trừ vị thuốc cổ truyền, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

+ Gói số……: Gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa [ghi tổng số danh mục dược liệu, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

+ Gói số…..: gói thầu bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa [ghi tổng số danh mục vị thuốc cổ truyền, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

(Danh mục chi tiết các gói thầu tại Phụ lục kèm theo).

(3) Cơ sở y tế phải ghi rõ nguồn vốn theo quy định tại điểm khoản 3 Điều 39 Luật Đấu thầu và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(4) Hình thức lựa chọn nhà thầu: hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và theo hướng dẫn tại Thông tư này], xét theo từng phần của gói thầu;]

Đối với gói thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.

Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(5) Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ căn cứ quy định quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu; đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, đàm phán giá, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng thì không ghi nội dung này.

(6) Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định). Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định).

Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(7) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(8) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.

(9) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

(10) Tùy chọn mua thêm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.

(11) Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu thì để trống nội dung này.

Đối với gói thầu có giá dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư đề xuất người có thẩm quyền áp dụng hoặc không áp dụng việc chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (4).

**2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại Bảng số 3, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số ..../2024/TT-BYT ngày ... tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

Lưu ý: Việc chia nhỏ các gói thầu để thực hiện chỉ định thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Giá gói thầu:

c) Nguồn vốn:

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: giải trình rõ lý do nếu không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

g) Loại hợp đồng;

h) Thời gian thực hiện gói thầu;

i) Nhu cầu sử dụng thuốc có dạng bào chế đặc biệt: [giải trình chi tiết theo đề xuất của khoa/phòng có nhu cầu sử dụng thuốc đã thuyết minh để Hội đồng Thuốc và Điều trị xem xét, thông qua].

k) Tùy chọn mua thêm (nếu có);

l) Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).

**VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)**

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phân công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| … |  |  |
| **Tổng giá trị** [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5] |  |

**VII. Tổng giá trị các phần công việc**

Bảng số 5

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện |  |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu |  |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) |  |
| **Tổng giá trị các phần công việc** |  |
| **Tổng dự toán mua sắm** | [ghi giá trị] |

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [đơn vị trình] đề nghị [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: [ghi tên dự án, dự toán mua sắm].

Kính trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như trên;- Đơn vị thẩm định;- Lưu VT. | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu, trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị là chủ đầu tư; trường hợp chủ đầu tư (bao gồm cả trường hợp được người có thẩm quyền ủy quyền) hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án quy định.

2 Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu.

**DANH MỤC TÀI LIỆU**

*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| 1 | Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có) | Bản chụp |
| 2 | Văn bản pháp lý có liên quan | Bản chụp |

|  |  |
| --- | --- |
| **[ĐƠN VỊ TRÌNH]**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**PHỤ LỤC I**

**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc** ....(năm kế hoạch)... **của** ...(Đơn vị trình)...

(Kèm theo Tờ trình số /TTr- ngày / /20 của Đơn vị trình)

I. Gói số……: Gói thầu thuốc generic:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hoạt chất** | **Nhóm TCKT** | **Nồng độ, hàm lượng** | **Đường dùng** | **Dạng bào chế** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch****(VND)** | **Thành tiền** |
| 1 | Acenocoumarol |  | 1mg | .. | … | Viên |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  |  | 15.000 | 2.898 | 43.470.000 |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  |  | 20.000 | 2.100 | 42.000.000 |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 5 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. | ... |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

II. Gói số ……….:Gói thầu thuốc biệt dược gốc:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hoạt chất** | **Tên thuốc** | **Đơn vị tính** | **Nồng độ, hàm lượng** | **Đường dùng** | **Dạng bào chế** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch****(VND)** | **Thành tiền** |
| 1 | Alfuzosin | Xatral SR 5mg hoặc tương đương | Viên | 5mg | ... | ... | Viên | 15.000 | 7.529 | 112.935.000 |
| 2 | …….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

III. Gói số …..: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thành phần của thuốc** | **Nhóm TCKT** | **Nồng độ, hàm lượng (nếu có)** | **Đường dùng** | **Dạng bào chế** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch****(VND)** | **Thành tiền** |
| 1 | Cao đặc Actiso |  |  | …. | …. | Viên |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  |  | 15.000 | 2.898 | 43.470.000 |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  |  | 20.000 | 2.400 | 48.000.000 |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ………….. | ... |  |  |  |  |  |  | ………… |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

IV. Gói số. …..: Gói thầu dược liệu:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên dược liệu** | **Nhóm TCKT** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Dạng sơ chế/** **Phương pháp chế biến** | **Tiêu chuẩn chất lượng** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Thành tiền** |
| 1 | Ba kích tím |  | … | … | … | … | Kg |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  |  |  | 100 | 1.500.000 | 150.000.000 |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  | 50 | 1.200.000 | 60.000.000 |
| 2 | ………. | … |  |  |  |  |  |  |  | …….. |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

V. Gói số. ...: Gói thầu vị thuốc cổ truyền:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên vị thuốc** | **Nhóm TCKT** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Dạng sơ chế/****Phương pháp chế biến** | **Tiêu chuẩn chất lượng** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Thành tiền** |
| 1 | Ba kích tím |  | … | ... | ... | ... | Kg |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  |  |  | 100 | 2.000.000 | 200.000.000 |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  | 50 | 1.500.000 | 75.000.000 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ……. |
|  | Cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VI. Tổng hợp:**

1. Gói số 1: Gói thầu………….:

(Tổng số danh mục thuốc theo tên generic, trong đó số lượng mặt hàng cụ thể của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu).

2. Gói số 2: Gói thầu....:

(Tổng số danh mục trong gói thuốc biệt dược gốc, tổng giá kế hoạch của gói thầu).

3……………………………

Tổng giá trị dự kiến của .... gói thầu:……………….đồng (Bằng chữ……………………..đồng).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] |

|  |  |
| --- | --- |
| **[ĐƠN VỊ TRÌNH]**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**PHỤ LỤC II**

**Căn cứ xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc** ....(năm kế hoạch)... **của** ...(Đơn vị trình)...

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-…… ngày / /20 của ……………..)

I. Gói số. Gói thầu thuốc generic:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T T** | **Tên hoạt chất** | **Nhóm TCKT** | **Nồng độ, hàm lượng** | **Đường dùng, dạng bào chế** | **Đơn vị****tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Dải giá đã trúng thầu****(VND)(1)** | **Căn cứ báo giá (3)** |
| **Cơ sở kinh doanh dược báo giá** | **Tên thuốc(2)** | **Báo giá (VND)** |
| 1 | Acenocoumaro1 |  | 1mg |  | Viên |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  | 15.000 | 2.898 | 2.700-3.150 |  |  |  |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  | 20.000 | 2.100 |  | ...Tên DN.. | …. | 2.100 |
| ...Tên DN.. | …. | 2.245 |
| ...Tên DN.. | …. | 2.450 |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ... | … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

II. Gói số…..:Gói thầu thuốc biệt dược gốc:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hoạt chất** | **Tên thuốc** | **Nồng độ, hàm lượng** | **Đường dùng, dạng bào chế** | **Số****GPNK** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Dải giá đã trúng thầu (VND)(1)** | **Căn cứ báo giá(3)** |
| **Cơ sở kinh doanh dược báo giá** | **Báo giá****(VND)** |
| 1 | Alfuzosin | Xatral SR 5mg | 5mg | ... | ... | Viên | 15.000 | 7.529 | 7.529 - 7.530 |  |  |
| 2 | lodixanol | Visipaque 320mg/ml x100ml | 320mg I/ml, 100ml | Tiêm truyền, Dung dịch tiêm | VN- 18122-14 | Chai | 1.000 | 992.250 |  | ...Tên DN.. | 992.250 |
| ...Tên DN.. | 992.251 |
| ...Tên DN.. | 992.251 |
|  | **Cộng** | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

III. Gói số…...: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thành phần của thuốc** | **Nhóm TCKT** | **Nồng độ, hàm lượng (nếu có)** | **Đường dùng, dạng bào chế** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Dải giá đã trúng thầu (VND)(1)** | **Căn cứ báo giá (3)** |
| **Cơ sở kinh doanh dược báo giá** | **Tên thuốc(2)** | **Báo giá****(VND)** |
| 1 | Cao đặc Actiso |  | 1mg |  | Viên |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  | 15.000 | 2.898 | 2.700-3.150 |  |  |  |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  | 20.000 | 2.100 |  | ...Tên DN.. | **....** | 2.100 |
| ...Tên DN.. | **....** | 2.245 |
| ...Tên DN.. | **....** | 2.450 |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. Gói số…..: Gói thầu dược liệu:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T T** | **Tên dược liệu** | **Nhóm TCKT** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Dạng sơ chế/****Phương pháp chế biến** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Dải giá đã trúng thầu (VND)(1)** | **Căn cứ báo giá (3)** |
| **Cơ sở kinh doanh dược báo giá** | **Tên dược liệu** | **Báo giá (VND)** |
| 1 | Ba kích tím |  |  |  |  | Kg |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  |  | 15.000 | 2.898 | 2.700-3.150 |  |  |  |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  |  | 20.000 | 2.100 |  | ...Tên DN.. | .... | 2.100 |
| ...Tên DN.. | .... | 2.245 |
| ...Tên DN.. | .... | 2.450 |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **…** | …. | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

V. Gói số…..: Gói thầu vị thuốc cổ truyền:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T T** | **Tên vị thuốc** | **Nhóm TCKT** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Dạng sơ chế/****Phương pháp chế biến** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạch (VND)** | **Dải giá đã trúng thầu (VND)(1)** | **Căn cứ báo giá (3)** |
| **Cơ sở kinh doanh dược báo giá** | **Tên vị thuốc** | **Báo giá (VND)** |
| 1 | Ba kích tím |  |  |  |  | Kg |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhóm 1 |  |  |  |  | 15.000 | 2.898 | 2.700-3.150 |  |  |  |
|  |  | Nhóm 2 |  |  |  |  | 20.000 | 2.100 |  | ...Tên DN.. | **. . . .** | 2.100 |
| ...Tên DN.. |  | 2.245 |
| ...Tên DN.. | **....** | 2.450 |
|  |  | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **…** | …. | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*(1) Ghi rõ dải giả trúng thầu trong vòng 12 tháng trước công bố trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Ví dụ: 2.700-3.150 (VND)/viên.*

*(2) Ghi rõ tên mặt hàng căn cứ báo giá, giá chào.*

*(3) Cung cấp các báo giá kèm theo./.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] |